

Mức lương: 2.340.000 đồng

TT	Họ và tên	C. VỤ	Mã ngạch	HỆ SỐ LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP					TỔNG TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP	Các khoản bảo hiểm người lao động đóng (Tỷ lệ 9,5% và 10,5%)	TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THỰC NHẬN					TỔNG CỘNG
				Lương	PC CV	PCVK	TL% PCT N	PC TN			LƯƠNG	PC CV	PC VK	PC ƯU ĐÃI 35%	PC TN	
1	Biên chế			57,07	0,95	0,000	1,92	7,31	152.880.390	16.052.441	119.521.701	1.989.585	-	44.782.920	15.316.663	181.610.869
1	Huỳnh Thị Mỹ Loan	HT	V07.02.25	3,99	0,35		13%	0,564	11.475.828	1.204.962	8.356.257	733.005		3.554.460	1.181.604	13.825.326
2	Trần Thị Lệ Hiền	PHT	V07.02.26	3,34	0,25		14%	0,503	9.576.684	1.005.552	6.994.962	523.575		2.940.210	1.052.595	11.511.342
3	Nguyễn Thị Ngọc	GV	V07.02.26	4,27			22%	0,939	12.189.996	1.279.950	8.942.661			3.497.130	1.967.385	14.407.176
4	Trần Thạch T.Hải Vân	GV	V07.02.26	4,58			22%	1,008	13.074.984	1.372.873	9.591.894		0	3.751.020	2.110.217	15.453.131
5	Huỳnh Thị Ninh	GV	V07.02.06	3,86			22%	0,849	11.019.528	1.157.050	8.083.998			3.161.340	1.778.480	13.023.818
6	Huỳnh Thị Ánh Trúc	GV	V07.02.25	4,32			19%	0,821	12.029.472	1.263.095	9.047.376			3.538.080	1.719.001	14.304.457
7	Đỗ Thị Thuý Vy	GV	V07.02.25	3,99			17%	0,678	10.923.822	1.147.001	8.356.257			3.267.810	1.420.564	13.044.631
8	Đỗ Thị Lập	GV	V07.02.25	3,66			13%	0,476	9.677.772	1.016.166	7.665.138			2.997.540	996.468	11.659.146
9	Nguyễn Thị Kim Tuyết	GV	V07.02.25	3,33			9%	0,300	8.493.498	891.817	6.974.019			2.727.270	627.662	10.328.951
10	Ngô Thị Thuý Duyên	GV	V07.02.25	3,00			8%	0,240	7.581.600	796.068	6.282.900			2.457.000	502.632	9.242.532
11	Nguyễn Thị Duyên	TPCM	V07.02.26	3,03	0,15		10%	0,318	8.185.320	859.459	6.345.729	314.145		2.604.420	665.987	9.930.281
12	Đỗ Thị Hồng Thắm	GV	V07.02.26	2,72			8%	0,218	6.873.984	721.768	5.696.496			2.227.680	455.720	8.379.896
13	Bùi Thị Tuyết Mai	TTCM	V07.02.26	2,41	0,2		7%	0,183	6.534.918	686.166	5.047.263	418.860		2.137.590	382.629	7.986.342
14	Nguyễn Thị Mỹ Phước	GV	V07.02.26	2,72			8%	0,218	6.873.984	721.768	5.696.496			2.227.680	455.720	8.379.896
15	Lê Thái Hồng Nhung	GV	V07.02.26	2,1					4.914.000	515.970	4.398.030			1.719.900		6.117.930
16	Nguyễn Thị Mỹ An	GV	V07.02.26	2,41					5.639.400	592.137	5.047.263			1.973.790		7.021.053
17	Nguyễn Thị Thanh Hoa	KT	06.032	3,34					7.815.600	820.638	6.994.962	0		-		6.994.962
Tổng cộng				57,07	0,95	0,000	1,92	7,31	152.880.390	16.052.441	119.521.701	1.989.585	-	44.782.920	15.316.663	181.610.869

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu sáu trăm mười ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng

Kế toán

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025



Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký)
Huỳnh Thị Mỹ Loan